

BÀN VỀ KẾ TOÁN DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI THEO CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM HIỆN HÀNH

● NGUYỄN THỊ THU HÀ

TÓM TẮT:

Trong cơ chế kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp cạnh tranh rất gay gắt nhằm giành thêm nhiều thị phần... Chính vì thế, rất dễ xảy ra những trường hợp cho khách hàng mua chịu nhằm tăng doanh thu, doanh số, tăng thị phần hơn. Khi các khoản phải thu này không thể thu hồi được, nó sẽ ảnh hưởng rất lớn đến chính bản thân doanh nghiệp cũng như nền kinh tế. Do đó, các khoản dự phòng phải thu khó đòi đóng vai trò quan trọng trong tình hình công nợ của doanh nghiệp nhằm đảm bảo khả năng hoạt động liên tục trong tương lai của chính bản thân doanh nghiệp. Bài viết này đưa ra đánh giá về chế độ kế toán hiện hành về kế toán dự phòng phải thu khó đòi. Trên cơ sở đó đưa ra hai khuyến nghị bổ sung về kế toán dự phòng phải thu khó đòi.

Từ khóa: Kế toán dự phòng phải thu khó đòi, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, trích lập dự phòng.

1. Phân tích và đánh giá kế toán dự phòng phải thu khó đòi theo chế độ kế toán Việt Nam hiện hành

- Ưu điểm của chế độ kế toán hiện hành

Như đã đề cập ở trước đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, các mức trích lập dự phòng sẽ là:

30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm

50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Việc Bộ Tài chính đưa ra một mức giá trị cụ thể hướng dẫn doanh nghiệp hạch toán giúp việc xác định mức trích lập để dàng hơn, vì việc xác

định được mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu khó đòi thường rất phức tạp và đồng thời phải yêu cầu nhà quản lý phải có đủ kiến thức cũng như kinh nghiệm trong mảng này để có thể đưa ra một giá trị chính xác nhằm đảm bảo khả năng hoạt của doanh nghiệp, chưa kể đến đó là có thể tránh được việc cố tình sử dụng các khoản dự phòng phải thu khó đòi nhằm mục đích ghi tăng Chi phí quản lý doanh nghiệp để trốn thuế dẫn đến thâm hụt nguồn thu của Nhà nước. Đây cũng là căn cứ để các doanh nghiệp có thể dựa vào để trích lập các khoản dự phòng một cách tương đối chính xác. Đồng thời, đây cũng là bằng chứng cho các kiểm toán viên đưa vào để có thể đánh giá chính xác khả năng hoạt động và dự phòng của doanh nghiệp nhằm đảm bảo được lợi ích cho các nhà đầu tư.

- *Nhược điểm của chế độ kế toán hiện hành*

Thứ nhất, hiện nay theo Thông tư 200 năm 2014 được ban hành bởi BTC tại điểm 3 điều 45 vẫn yêu cầu doanh nghiệp xác định giá trị dự phòng phải thu khó đòi dựa trên số phải thu có VAT và phần nợ không có khả năng thu hồi sẽ tính vào Chi phí nợ xấu không thể thu hồi và công tác xóa sổ cũng tính dựa trên số tiền có VAT. Cụ thể ở đây là:

Doanh nghiệp hiện tại có một số khoản nợ phải thu khó đòi đã được trích lập dự phòng. Khi doanh nghiệp tiến hành xóa nợ các khoản nợ phải thu khó đòi, sau khi có đủ căn cứ về quyết định xóa nợ thì kế toán tiến hành ghi:

Nợ TK 2293: Dự phòng phải thu khó đòi

Nợ TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp
(Phần nợ khó đòi chưa lập dự phòng)

Có TK 131: Phải thu khách hàng.

Trong khi trước đó, khi doanh nghiệp tiến hành bán hàng và cung cấp dịch vụ thì kế toán ghi nhận:

Nợ TK 131: Phải thu khách hàng.

Có TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Có TK 333: VAT đầu vào phải nộp.

Nghĩa là trong các khoản phải thu khách hàng đã bao gồm VAT phải nộp Nhà nước. Tuy nhiên khi tiến hành xóa nợ phải thu thì doanh nghiệp phải tiến hành xóa cả khoản thu đã bao gồm VAT.

Điều chưa hợp lý ở đây đó là: Như đã biết thì VAT là nguồn thuế gián thu, những đối tượng kinh doanh, sử dụng mới là người phải chịu thuế, Doanh nghiệp chỉ có trách nhiệm thu hộ cho Nhà nước.

Trong khi đó, khi hạch toán xóa sổ nợ phải thu không có khả năng thu hồi, doanh nghiệp phải định khoản theo số có thuế tính vào chi phí của doanh nghiệp. Kể cả với trường hợp doanh nghiệp đã trích lập dự phòng từ trước đối với khoản nợ phải thu khó đòi thì số hoàn nhập dự phòng lại được tính trên cơ sở số tiền có thuế VAT và phần trăm số còn lại không có khả năng thu hồi tính vào chi phí của doanh nghiệp vẫn lớn hơn số tiền ngoài VAT. Hay nói cách khác, khi doanh nghiệp xóa sổ nợ phải thu khó đòi thì số tiền VAT đáng lý ra phải được giảm trừ ra khỏi phần chi phí trích lập vào chi phí quản lý doanh

nh nghiệp như theo Thông tư 200 hiện nay thì doanh nghiệp vẫn phải gánh chịu lượng thuế VAT này vào phần chi phí của doanh nghiệp, mặc dù VAT là thuế gián thu.

Thứ hai, đồng thời kế toán chỉ được phép trích lập dự phòng đối với các khoản nợ có tuổi nợ ít nhất là 6 tháng, vì thế trong một số trường hợp khi mà khách hàng nợ doanh nghiệp nhưng chưa đến 6 tháng thì khách hàng đã thông báo mất khả năng trả nợ hoặc phá sản và thời điểm trích lập dự phòng lại là cuối năm. Cụ thể, nếu như doanh nghiệp vừa ký hợp đồng với đối tác vào thời điểm đầu năm ví dụ ở đây là tháng 2 và thời hạn thanh toán là trong vòng 6 tháng tại thời điểm này doanh nghiệp chưa tiến hành trích lập dự phòng cho khoản phải thu này thì đến tháng 10 cùng năm hay đến tháng 1 năm sau đối tác tuyên bố phá sản và khoản nợ của doanh nghiệp không thể thu hồi cũng không có bất kỳ khoản dự phòng nào để bù đắp cho khoản chi phí này vì doanh nghiệp chỉ được phép tiến hành trích lập dự phòng khi khoản nợ trễ hạn thanh toán ít nhất 6 tháng. Khi đó doanh nghiệp mới tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho khoản nợ này thì khoản chi phí này sẽ bị đội lên một cách bất thường và có nhiều khả năng doanh nghiệp sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp tục hoạt động kinh doanh. Có thể thấy, việc trích lập chỉ được thực hiện vào ngày 31/12 hàng năm, dẫn đến việc doanh nghiệp không có kế hoạch để lập dự phòng ngay thời điểm khoản nợ đã quá hạn nhằm việc có thể bù đắp được phần nào cho khoản nợ này, khi mà tình hình khoản nợ trở nên xấu hơn vì thế nên có thể gây biến động lớn đến khoản chi phí trong kỳ và khả năng tiếp tục hoạt động của doanh nghiệp.

2. Một số khuyến nghị bổ sung về kế toán dự phòng phải thu khó đòi

- Khuyến nghị về việc tách thuế VAT trong quá trình kế toán xóa sổ nợ phải thu khó đòi

Như đã đề cập ở trên thì việc tính VAT vào chi phí của doanh nghiệp là không hợp lý, vì thế nên tính toán lại các mức trích lập dự phòng. Cụ thể ở đây là mức trích lập dự phòng nên được tính toán như sau:

Số dự phòng cần trích lập cho khoản nợ của khách hàng:

Mức dự phòng phải thu khó đòi	Giá trị khoản nợ đến hạn và chưa thanh toán ngoài VAT	X	Tỷ lệ trích lập dự phòng theo tuổi nợ theo quy định
-------------------------------	---	---	---

Và khi thiệt hại xảy ra, các khoản nợ khó đòi không còn khả năng thu hồi và doanh nghiệp quyết định tiến hành xóa sổ khoản nợ và tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp với số tiền ngoài thuế VAT, thì kế toán tiến hành phản ánh:

Nợ TK có liên quan (111, 112, ...) Số tiền thu hồi được.

Nợ TK 2293 (Chi tiết đối tượng khách hàng):
Trừ vào số dự phòng đã trích lập (nếu có).

Nợ TK 642: Số thiệt hại ngoài thuế khi xóa sổ (Phần không bù đắp được bằng dự phòng)

Nợ TK 333: Thuế GTGT của khoản nợ bị mất
Có TK 131 Số nợ phải thu khách hàng.

Tuy nhiên để kiến nghị này có thể được thực hiện cần có sự chấp thuận của các Bộ, ban ngành, Thủ tướng hay Quốc hội thông qua. Đồng thời để đảm bảo công việc này được tiến hành một cách chính xác, trung thực nhằm không ảnh hưởng đến khoản thu của Nhà nước thì cần đưa ra thêm quy định về các chứng từ cần thiết. Ngoài ra cần có sự kiểm tra, rà soát nghiêm ngặt để tránh việc doanh nghiệp sử dụng các khoản dự phòng nhằm trốn thuế GTGT hay thuế TNDN thông qua việc khai khống về số nợ phải thu khó đòi hay số tiền trích lập đối với từng khoản nợ

- Khuyến nghị về việc sửa đổi thời gian trích lập dự phòng

Theo quy định hiện hành, việc trích lập dự phòng chỉ áp dụng đối với các khoản nợ có tuổi

nợ từ 6 tháng trở lên, tuy nhiên khi khoản nợ phát sinh từ tháng 10/N thì đến 31/12/N thì khoản nợ này vẫn chưa đến thời điểm phải trích lập dự phòng mà phải đợi đến 31/12/N+1 thì doanh nghiệp mới được phép trích lập dự phòng thì có lẽ lúc này là quá muộn. Điều này khiến cho doanh nghiệp không có khả năng dự phòng trước việc khách hàng không thể trả nợ và dễ dẫn đến thiệt hại lớn khi các khoản nợ này đã không còn khả năng thu hồi. Vì thế, Bộ Tài chính nên quy định bất kỳ khoản nợ nào đến hạn mà chưa tiến hành trả nợ thì đều được xem xét như là một khoản nợ phải thu khó đòi để có thể giảm bớt rủi ro mất vốn cho doanh nghiệp, đồng thời thời điểm trích lập dự phòng cho các khoản này không phải chỉ có ở thời điểm 31/12 mà nên tiến hành trích lập các khoản này vào 2 thời điểm là giữa năm 31/6 và 31/12 để triệt để không có bất kỳ trường hợp xấu nào xảy ra.

Bên cạnh đó, công việc trích lập dự phòng đa số là dựa trên kinh nghiệm của kế toán viên, tuy nhiên không phải bất kỳ kế toán viên nào cũng có đủ kiến thức cũng như kinh nghiệm để có thể xác định chính xác giá trị các khoản dự phòng cần trích lập, vì thế Bộ Tài chính cần cụ thể hơn trong việc xác định giá trị cần trích lập trong từng khoản thời gian giống như các cách kế toán Mỹ sử dụng tuổi nợ để đánh giá các khoản dự phòng, cần trích lập một các cụ thể từ 1 tháng đến 3 tháng 6 tháng và 1 năm và trở lên. Do đó, Bộ Tài chính cần đưa ra các mức giá trị cụ thể cho từng tuổi nợ, để kế toán có thể dễ dàng phản ánh các khoản dự phòng một cách chính xác ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Giáo trình Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp - Học viện Tài chính.
2. Giáo trình Kế toán quốc tế - Kinh tế quốc dân.
3. Hệ thống các chuẩn mực kế toán mới.
4. Thông tư 200/2014/TT-BTC

Ngày nhận bài: 19/3/2019

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 29/3/2019

Ngày chấp nhận đăng bài: 7/4/2019

Thông tin tác giả:

ThS. NGUYỄN THỊ THU HÀ

Khoa Kế toán

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp

DISCUSSING THE ACCOUNTING FOR PROVISION FOR BAD DEB RECEIVABLES ACCORDING TO THE CURRENT VIETNAM'S ACCOUNTING REGIME

● **Master. NGUYEN THI THU HA**

Faculty of Accounting

University of Economics - Technology for Industries

ABSTRACT:

In the current market economy mechanism, enterprises fiercely compete with each other to gain more market shares. As a result, enterprises usually allow their customers to buy goods in advance and make payment later in order to increase their revenues, sales and acquire more market shares. However, if these receivables are irrecoverable, they will greatly affect enterprises' business performance as well as the economy in general. As a result, the provision for bad deb receivables plays an important role in the debt management of enterprises to ensure their business. This article provides assessments of the current accounting regime on accounting for provision for bad deb receivables, thereby proposing two recommendations about accounting for provision for bad deb receivables.

Keywords: Accounting for provision for bad deb receivables, current Vietnamese accounting regime, provisioning.